TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GÒ CÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **136**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2022
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đăng Khoa.

2. Bà Trần Thị Kim Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1960 (xin vắng mặt);

Hộ khẩu thường trú: Đương P, Phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

Chỗ ở: Tổ M, ấp H, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN :

** Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:* Bà và ông L chung sống với nhau từ năm 1980 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 1991 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài đến nay không thể hàn gắn dẫn đến tình cảm không còn. Nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thành L.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống có 03 con chung tên Nguyễn Pho N1, sinh ngày 05/01/1984; Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 6/4/1986 và Phạm Hoài C, sinh ngày 20/8/1991. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn ông Nguyễn Thành L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông L không đến dự phiên tòa cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc bà N xin ly hôn với ông. Toà án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị N có đơn đề nghị giải quyết việc ly hôn giữa bà và ông Nguyễn Thành L có địa chỉ: ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

[1.1] Bà Phạm Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Thành L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông L.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Thành L chung sống với nhau từ năm 1980, không đăng ký kết hôn nhưng chung sống trước ngày 03-01-1987 nên vẫn được xem là hôn nhân thực tế, được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, bà N và ông L đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau nay bà N không còn tình cảm với ông L, vợ chồng đã ly thân từ năm 1991 đến nay. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông L để hòa giải tạo điều kiện để ông bà hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặc dù, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông L không đến để trình bày ý kiến về việc bà N xin ly hôn, chứng tỏ ông L cũng không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với bà N. Xét thấy, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, một bên đã không còn tình cảm mà kéo dài hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Mâu thuẫn vợ chồng bà N và ông L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 85, Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[2.2] Về con chung: Theo bà N trình bày có 03 con chung tên Nguyễn Pho N1, sinh ngày 05/01/1984; Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 6/4/1986 và Phạm Hoài C, sinh ngày 20/8/1991. Các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Về án phí: Bà Phạm Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng bà N có đơn đề nghị miễn án phí do bà là người cao tuổi. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Phạm Thị N được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

- Điều 85, Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị N.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Thành L.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị N được miễn nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Thành L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TXG;
- Chi cục THADS TXG;
- UBND xã B, TXG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Thu Thúy